

**PHỤ LỤC 1**  
**Số liệu kết luận địa bàn tìm kiếm, quy tập đợt 1**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 139/KH-BCĐ ngày 26/7/2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh)*

| TT | Xã,<br>Phường | Khu vực địa bàn theo kết quả kết luận<br>địa bàn Đợt 1                                                                              | Số lượng   |                        |      |
|----|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------|------|
|    |               |                                                                                                                                     | Khu<br>vực | Số<br>lượng<br>liệt sĩ | Tổng |
| 1  | Xã Ba Vĩ      | Xã Ba Vĩ: Thôn Giá Vực (11), thôn Nước Xuyên (02), thôn Nước Ui (01).                                                               | 3          | 14                     | 20   |
|    |               | Xã Ba Ngạc (Cũ): thôn Nước Lầy (05)                                                                                                 | 1          | 5                      |      |
|    |               | Xã Ba Tiêu (Cũ): Thôn Nước Tia (01)                                                                                                 | 1          | 1                      |      |
| 2  | Xã Ba Tơ      | TT Ba Tơ (Cũ): TDP Đồng Chùa (21), TDP Đá Bàn (67)                                                                                  | 2          | 88                     | 161  |
|    |               | Xã Ba Bích (Cũ): Thôn Con Rã (04), thôn Làng Mâm (09), thôn Nước Đang: (05), thôn Đồng Tiên (09), thôn Đồng Vào (22)                | 5          | 49                     |      |
|    |               | Xã Ba Cung (Cũ): Thôn Gò Loa – Đồng Xoài (09), thôn Đồng Dầu – Kon Kua (06); thôn Làng Giấy Dốc Mốc (07); thôn Gò Rét Ma Nghít (02) | 4          | 24                     |      |
| 3  | Xã Ba Dinh    | Xã Ba Dinh (Cũ): thôn Làng Măng (10), thôn Gò Ghềm (02)                                                                             | 2          | 12                     | 93   |
|    |               | Xã Ba Giang (Cũ): Thôn Nước Lô (08), thôn Gò Khôn (02), thôn Ba Nhà (71);                                                           | 3          | 81                     |      |
| 4  | Xã Ba Vinh    | Xã Ba Điền (Cũ): Thôn Làng Rêu (11), thôn Gò Nghênh (15), thôn Làng Tương (17), thôn Hy Long (03)                                   | 4          | 46                     | 58   |
|    |               | Xã Ba Vinh (Cũ): Thôn Nước Y (02), Cao Muôn (02), Ba Lang (02), Nước Lui (03), Hóc Đô (01), Ba Sơn (01), Làng Huy (01)              | 7          | 12                     |      |
| 5  | Xã Ba Động    | Xã Ba Động (Cũ): Thôn Hóc Kè (20), thôn Tân Long (01), thôn Suối Loa (03), thôn Trường An 48                                        | 4          | 72                     | 134  |
|    |               | Xã Ba Liên (Cũ): Thôn Đá Chát (34)                                                                                                  | 1          | 34                     |      |
|    |               | Xã Ba Thành (Cũ): Thôn Làng Teng (17), thôn Huy Ba 1 (05), thôn Huy Ba 2 (06)                                                       | 3          | 28                     |      |
| 6  | Xã Ba Tô      | Xã Ba Lễ (Cũ): Thôn Đồng Lâu (04), thôn Gò Lễ (03), thôn Vả Lễ (09)                                                                 | 3          | 16                     | 81   |

| TT | Xã,<br>Phường        | Khu vực địa bàn theo kết quả kết luận<br>địa bàn Đợt 1                                                                                                                                 | Số lượng   |                        |      |
|----|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------|------|
|    |                      |                                                                                                                                                                                        | Khu<br>vực | Số<br>lượng<br>liệt sĩ | Tổng |
| 7  | Xã Đặng<br>Thùy Trâm | Xã Ba Tô (Cũ): Thôn Làng Mạ (05),<br>thôn Mang Lùng 1 (04), thôn Mang<br>Lùng 2 (01), thôn Mô Lang (01), thôn<br>Trà Nô (04)                                                           | 5          | 15                     |      |
|    |                      | Xã Ba Nam (Cũ): Thôn Xà Râu (04)                                                                                                                                                       | 1          | 4                      |      |
|    |                      | Xã Ba Khâm (Cũ): Thôn Vảy Ốc (29),<br>thôn Nước Giáp (14), thôn Đồng Răm<br>(03)                                                                                                       | 3          | 46                     |      |
| 8  | Xã Vạn<br>Tường      | Xã Bình Đông (Cũ): Thôn Thượng Hòa:<br>(06),                                                                                                                                           | 1          | 6                      | 57   |
|    |                      | Xã Bình Thuận (Cũ): Thôn Đông Lỗ:<br>(03); Thôn Tuyết Diêm 2 (03), Thôn<br>Tuyết Diêm 3 (01), Thôn Thuận Phước:<br>(04)                                                                | 4          | 11                     |      |
|    |                      | Bình Trị (Cũ): An Lộc (17), Phước Hòa<br>(8)                                                                                                                                           | 2          | 25                     |      |
|    |                      | <b>Bình Phước (Cũ):</b> Phú Long 1, Phú Long<br>2, Phú Long 3, Phước Thọ 1, Phước Thọ<br>2,                                                                                            | 5          | 15                     |      |
| 9  | Xã Bình<br>Sơn       | Xã Bình Thạnh (Cũ): Thôn Trung An:<br>(02); Thôn Vĩnh An: (01),                                                                                                                        | 2          | 3                      | 7    |
|    |                      | TT Châu Ổ (Cũ): TDP An Châu, (04)                                                                                                                                                      | 1          | 4                      |      |
| 10 | Xã Bình<br>Minh      | Bình Khương (Cũ): Bình Yên (9),<br>Phước An (4)                                                                                                                                        | 2          | 13                     | 13   |
| 11 | Xã Đông<br>Sơn       | Bình Thanh (Cũ): thôn Tham Hội 3 (11),<br>thôn Tham Hội 2 (2), thôn An Quang (2),<br>thôn Phước Hòa (1).                                                                               | 4          | 16                     | 16   |
| 12 | Xã Minh<br>Long      | Xã Thanh An (Cũ): Thôn Ruộng Gò nay<br>là thôn Gò Nhiều (01), thôn Gò Rộc,<br>Công Loan nay là thôn Đồng Cản: (10),<br>thôn Làng Vang, thôn Đồng Rinh (nay là<br>thôn Đồng Vang): (05) | 3          | 16                     | 16   |
| 13 | Xã Thiện<br>Tín      | Xã Hành Tín Tây (Cũ): Thôn Tân Phú<br>(15), thôn Phú Khương (32), thôn Long<br>Bình (09), thôn Phú Thọ (09), thôn Tân<br>Hòa (02)                                                      | 6          | 67                     | 67   |
| 14 | Xã Sơn Hạ            | Xã Sơn Nham (Cũ): thôn Canh Mo (01),<br>thôn Bầu Sơn (04), thôn Cạn Sơn (05),<br>thôn Xà Riêng (04)                                                                                    | 4          | 14                     | 14   |

| TT | Xã,<br>Phường       | Khu vực địa bàn theo kết quả kết luận<br>địa bàn Đợt 1                                                 | Số lượng   |                        |            |
|----|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------|------------|
|    |                     |                                                                                                        | Khu<br>vực | Số<br>lượng<br>liệt sĩ | Tổng       |
| 15 | Xã Sơn<br>thủy      | Xã Sơn Hải (Cũ): Thôn Tà Mát (06), thôn<br>Làng Trắng (01)                                             | 2          | 7                      | <b>10</b>  |
| 16 |                     | Xã Sơn Thủy (Cũ): thôn Làng Rào (02),<br>thôn Tà Bần (01)                                              | 2          | 3                      |            |
| 17 | Xã Sơn Hà           | Xã Sơn Thượng (Cũ): Thôn Làng Vố<br>(02), thôn Bờ Reo (03),                                            | 2          | 5                      | <b>5</b>   |
| 18 | Xã Đông<br>Trà Bồng | Xã Trà Giang (Cũ): Thôn 2,                                                                             | 1          | 3                      | <b>3</b>   |
| 19 | Xã Trà<br>Bồng      | Xã Trà Thủy (Cũ): thôn 3,                                                                              | 1          | 3                      | <b>3</b>   |
| 20 | Xã Thanh<br>Bồng    | Xã Trà Hiệp (Cũ): Thôn Cả, thôn Nguyên                                                                 | 2          | 5                      | <b>36</b>  |
|    |                     | Xã Trà Lâm (Cũ): Trà Xanh                                                                              | 1          | 16                     |            |
|    |                     | Xã Trà Thanh (Cũ): Thôn Gõ, thôn Môn                                                                   | 2          | 15                     |            |
| 21 | Xã Cà<br>Đam        | Xã Trà Bù (Cũ): Thôn Quế , thôn Tang ,<br>thôn Tây                                                     | 3          | 15                     | <b>15</b>  |
| 22 | Xã Tây Trà          | Xã Trà Xinh (Cũ): Trà Veo                                                                              | 1          | 3                      | <b>4</b>   |
|    |                     | Xã Sơn Trà (Cũ): Thôn Sơn                                                                              | 1          | 1                      |            |
| 23 | Xã Tây Trà<br>Bồng  | Xã Trà Tây (Cũ): Thôn Bắc Nguyên,<br>Thôn Bắc Dương, Thôn Tre, Thôn Xanh,<br>Thôn Tây                  | 5          | 10                     | <b>19</b>  |
|    |                     | Xã Hương Trà (Cũ): Thôn Trà Liên, thôn<br>Trà Linh, thôn Trà Vân, thôn Trà Huynh,<br>thôn Cà Đam,      | 5          | 9                      |            |
| 24 | Xã Vệ<br>Giang      | Thị trấn Sông Vệ (Cũ): Tổ dân phố Sông<br>Vệ (11);                                                     | 1          | 11                     | <b>11</b>  |
| 25 | Xã Trà<br>Giang     | Xã Nghĩa Sơn (Cũ): Thôn 1 (15)                                                                         | 1          | 15                     | <b>15</b>  |
| 26 | Phường Sa<br>Huỳnh  | Phố Châu (Cũ): Tấn Lộc (05), Châu Me<br>(1)                                                            | 1          | 5                      | <b>5</b>   |
| 27 | Phường<br>Đăk Cấm   | Xã Đăk Cấm (Cũ): 64 mộ; 01 khu vực:<br>Thôn 6.                                                         | 1          | 64                     | <b>140</b> |
|    |                     | Phường Duy Tân (Cũ): 53 mộ; 04 khu<br>vực: Tổ 1 (06 mộ); tổ 3 (28 mộ); tổ 7 (14<br>mộ); tổ 10 (05 mộ). | 4          | 53                     |            |
|    |                     | Phường Trường Chinh (Cũ): 23 mộ, 01<br>khu vực: Thôn Kon, Sơ Lam 2.                                    | 1          | 23                     |            |

| TT | Xã,<br>Phường     | Khu vực địa bàn theo kết quả kết luận<br>địa bàn Đợt 1                                                                                                                                                                 | Số lượng   |                        |      |
|----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------|------|
|    |                   |                                                                                                                                                                                                                        | Khu<br>vực | Số<br>lượng<br>liệt sĩ | Tổng |
| 28 | Phường<br>Kon Tum | Phường Ngô Mây (Cũ): 129 mộ; 04 khu vực: Tổ 2 (17 mộ); tổ 3 (53 mộ); thôn Thanh Trung (28 mộ); thôn Plei trum Đăk Choăh (31 mộ).                                                                                       | 4          | 129                    | 147  |
|    |                   | Phường Thắng Lợi (Cũ): 18 mộ; 02 khu vực: Tổ 5 (14 mộ); thôn Kon Rơ Wang (04 mộ).                                                                                                                                      | 2          | 18                     |      |
| 29 | Xã Ia<br>Chim     | Xã Ia Chim: 47 mộ, 08 khu vực: Thôn Klâu Ngoh (08 mộ); thôn Ngol Zố (03 mộ); thôn Plei Sar (08 mộ); thôn Plây Bur (12 mộ); thôn Plây Duân (03 mộ); thôn plei Weh (10 mộ); thôn Tân An (02 mộ); thôn Klâu Klah (01 mộ). | 8          | 47                     | 167  |
|    |                   | Xã Đăk Năng (Cũ): 120 mộ; 05 khu vực: Thôn Ia Hội (32 mộ); thôn Ia Kim (02 mộ); thôn Ngô Thanh (53 mộ); Thôn Pei Jơ drop (23 mộ); thôn plei Wăk (10 mộ) .                                                              | 5          | 120                    |      |
| 30 | Xã Đăk Rơ<br>Wa   | Xã Hòa Bình (Cũ): 07 mộ, 01 khu vực: Thôn 2.                                                                                                                                                                           | 1          | 7                      | 18   |
|    |                   | Xã Đăk Bà Là (Cũ): 11 mộ, 03 khu vực: Thôn Kon Gu (04 mộ); thôn Kon Mơ Nay (02 mộ); thôn Kon Ji Xút (05 mộ).                                                                                                           | 3          | 11                     |      |
| 31 | Xã Ngok<br>Bay    | Xã NgoK Bay (Cũ): 162 mộ; 04 khu vực: Thôn Đắc Đe (31 mộ); thôn Plei Klếch (124 mộ); thôn Kơ Năng (01 mộ); thôn Măng La (06 mộ).                                                                                       | 4          | 162                    | 225  |
|    |                   | Xã Kroong (Cũ): 47 mộ, 03 khu vực: Thôn Trung Nghĩa Đông (21 mộ); thôn Trung Nghĩa Tây (24 mộ); thôn 3 (02 mộ).                                                                                                        | 3          | 47                     |      |
|    |                   | Xã Vinh Quang (Cũ): 16 mộ; 03 khu vực: Thôn kơ tu (12 mộ); thôn Kon rơ bang 1 (02 mộ); thôn trung thành: (02 mộ).                                                                                                      | 3          | 16                     |      |
| 32 | Đăk Pék           | Thị trấn Đăk Glei (Cũ): 03 mộ, 01 khu vực: Thôn 16/5.                                                                                                                                                                  | 1          | 3                      | 14   |
|    |                   | Xã Đăk Pét (Cũ): 11 mộ; 01 khu vực: Thôn Peng Sal Peng.                                                                                                                                                                | 1          | 11                     |      |

| TT | Xã,<br>Phường | Khu vực địa bàn theo kết quả kết luận<br>địa bàn Đợt 1                                                                                                                | Số lượng   |                        |      |
|----|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------|------|
|    |               |                                                                                                                                                                       | Khu<br>vực | Số<br>lượng<br>liệt sĩ | Tổng |
| 33 | Xã Bờ Y       | Xã Pờ Y (Cũ): 227 mộ, 2 khu vực: Thôn Iêc (38 mộ); thôn Măng Tôn (189 mộ).                                                                                            | 2          | 227                    | 299  |
|    |               | Xã Đăk Xú (Cũ): 61 mộ, 4 khu vực: Thôn Đăk Long Giao (3 mộ); thôn Chiên Chiết (32 mộ); thôn Đăk Tang (7 mộ); thôn Thung Nai (19 mộ).                                  | 4          | 61                     |      |
|    |               | TT Plei Kần (Cũ): 11 mộ, 4 khu vực: Thôn 5 (04 mộ); thôn 6 (2 mộ); thôn 7 (01 mộ); tổ DP 3 (04 mộ).                                                                   | 4          | 11                     |      |
| 34 | Xã Dục Nông   | Xã Đăk Nông (Cũ): 44 mộ, 3 khu vực: Thôn Lộc Nông (21 mộ); thôn Nông Nhầy 2 (22 mộ); thôn Chả Nội 2 (1 mộ).                                                           | 3          | 44                     | 413  |
|    |               | Xã Đăk Dục (Cũ): 369 mộ, 5 khu vực: Thôn Dục Nhầy 3 (44 mộ); thôn Nông Chả (76 mộ); thôn Ngọc Hiệp (23 mộ); thôn Đăk Răng (179 mộ); thôn Nông Kon (47 mộ).            | 5          | 369                    |      |
| 35 | Xã Sa Loong   | Xã Đăk Kan (Cũ): 464 mộ, 3 khu vực: Thôn 3 (6 mộ); thôn Ngọc Tặng (130 mộ); thôn Tân Bình (328 mộ).                                                                   | 3          | 464                    | 678  |
|    |               | Xã Sa Loong (Cũ): 214 mộ, 3 khu vực: Thôn Bun Ngai (42 mộ); thôn Đăk Vang (155 mộ); thôn Giang Lố 1 (17 mộ);                                                          | 3          | 214                    |      |
| 36 | Xã Sa Thầy    | Thị trấn Sa Thầy (Cũ): 73 mộ 01 khu vực: Làng Kleng.                                                                                                                  | 1          | 73                     | 73   |
| 37 | Xã Mô Rai     | Xã Mô Rai (Cũ): 13 mộ, 01 khu vực: Làng Le.                                                                                                                           | 1          | 13                     | 13   |
| 38 | Xã Ya Ly      | Xã Ya Ly (Cũ): 05 mộ, 01 khu vực: Làng Chứ.                                                                                                                           | 1          | 5                      | 5    |
| 39 | Xã Ngọc Tụ    | Xã Ngọc Tụ (Cũ): 16 mộ, 01 khu vực: Thôn Đăk Nu.                                                                                                                      | 1          | 16                     | 16   |
|    |               | Xã Đăk Rơ Nga: 10 mộ, 01 khu vực: Thôn Đăk Manh 1.                                                                                                                    | 1          | 10                     | 10   |
| 40 | Xã Đăk Tô     | Thị trấn Đăk Tô: 152 mộ, 08 khu vực: Khối 1 (14 mộ), khối 2 (33 mộ), khối 3 (03 mộ), khối 4 (35 mộ), khối 5 (31 mộ), khối 7 (06 mộ), khối 8 (29 mộ), khối 10 (01 mộ). | 8          | 152                    | 526  |

| TT | Xã,<br>Phường | Khu vực địa bàn theo kết quả kết luận<br>địa bàn Đợt 1                                                                                                             | Số lượng   |                        |      |
|----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------|------|
|    |               |                                                                                                                                                                    | Khu<br>vực | Số<br>lượng<br>liệt sĩ | Tổng |
|    |               | Xã Diên Bình: 41 mộ, 04 khu vực: Thôn 1 (09 mộ), thôn 2 (27 mộ), thôn 4 (01 mộ), thôn Đắc Kang peng (04 mộ).                                                       | 4          | 41                     |      |
|    |               | Xã Pô Kô (Cũ): 202 mộ, 04 khu vực: Thôn Kon Tu Peng (133 mộ); thôn Kon Tu Dóp1 (06 mộ); thôn Kon Tu Dóp 2 (34 mộ); thôn Đắc Rao nhỏ (29 mộ).                       | 4          | 202                    |      |
|    |               | Xã Tân Cảnh (Cũ): 131 mộ, 06 khu vực: Thôn 1 (23 mộ); thôn 2 (28 mộ); thôn 3 (20 mộ); thôn 5 (07 mộ); thôn Đắc Ri Dóp (38 mộ); thôn Đắc Ri Peng 2 (15 mộ).         | 6          | 131                    |      |
| 41 | Xã Kon Đào    | Xã Kon Đào(Cũ): 52 mộ, 03 khu vực, Thôn 2 (09 mộ), thôn 6 (06 mộ), thôn Đắc Lung (37 mộ).                                                                          | 3          | 52                     | 76   |
|    |               | Xã Văn Lem (Cũ): 24 mộ, 03 khu vực: thôn Tê Rông (06 mộ); thôn Đắc Xanh (09 mộ); thôn Đắc Sing (09 mộ).                                                            | 3          | 24                     |      |
| 42 | Xã Đắc Hà     | Xã Hà Mòn (Cũ): 36 mộ, 4 khu vực: Thôn 1 (4 mộ); Thôn 3 (7 mộ); Thôn 4 (9 mộ); Thôn 5 (16 mộ).                                                                     | 4          | 36                     | 353  |
|    |               | Thị trấn Đắc Hà(Cũ): 43 mộ, 2 khu vực: Tổ dân phố 1 (42 mộ); Tổ dân phố 4 (1 mộ).                                                                                  | 2          | 43                     |      |
|    |               | Xã Đắc La (Cũ): 274 mộ, 8 khu vực: Thôn 1 (36 mộ); Thôn 3 (21 mộ); Thôn 5 (27 mộ); Thôn 6 (1 mộ); Thôn 7 (88 mộ); Thôn 8 (11 mộ); Thôn 9 (67 mộ); Thôn 10 (23 mộ). | 8          | 274                    |      |
| 43 | Xã Đắc Mar    | Xã Đắc Hring (Cũ): 10 mộ, 2 khu vực: Thôn Đắc Cang Yóp (8 mộ); Thôn Đắc Klong (2 mộ).                                                                              | 2          | 10                     | 10   |
| 44 | Xã Đắc Pxi    | Xã Đắc Pxi (Cũ): 03 mộ, 1 khu vực: Thôn Krong Đuan.                                                                                                                | 1          | 2                      | 2    |
| 45 | Xã Đắc Ui     | 124 mộ, 2 khu vực: Thôn Kon Pông (66 mộ); Thôn Wang Hra (58 mộ).                                                                                                   | 2          | 124                    | 124  |
| 46 | Xã Ngọk Réo   | Xã Ngọk Réo(Cũ): 12 mộ, 1 khu vực: Thôn Kon Rôn                                                                                                                    | 1          | 12                     | 66   |

| TT | Xã,<br>Phường | Khu vực địa bàn theo kết quả kết luận<br>địa bàn Đợt 1                                                  | Số lượng   |                        |           |
|----|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------|-----------|
|    |               |                                                                                                         | Khu<br>vực | Số<br>lượng<br>liệt sĩ | Tổng      |
|    |               | Xã Ngọc Wang: 54 mộ, 3 khu vực: Thôn Kon Brông (2 mộ); Thôn Đăk Duông (29 mộ); Thôn Kon Stiù 2 (23 mộ). | 3          | 54                     |           |
| 47 | Đăk Tờ Kan    | Xã Đăk Tờ Kan (Cũ): 62 mộ, 01 khu vực: Thôn Tê Xô.                                                      | 1          | 62                     | <b>62</b> |
| 48 | Xã Đăk Sao    | Xã Đăk Na (Cũ): 17 mộ, 03 khu vực: Thôn Hà Lăng (06 mộ); thôn Ba Ham (06 mộ); thôn Đăk Rê (05 mộ).      | 3          | 17                     | <b>25</b> |
|    |               | Xã Đăk Sao (Cũ): 08 mộ, 02 khu vực: Thôn Kạch Lớn (01 mộ); thôn Năng Lớn 2 (07 mộ).                     | 2          | 8                      |           |
| 49 | Xã Măng Ri    | Xã Ngọc Yêu (Cũ) : 10 mộ, 01 khu vực: Thôn Tam Rin.                                                     | 1          | 10                     | <b>14</b> |
|    |               | Xã Măng Ri (Cũ): 02 mộ, 01 khu vực: Thôn Pu Tá.                                                         | 1          | 2                      |           |
|    |               | Xã Ngọc Lây(Cũ): 01 mộ, 01 khu vực: Thôn Cô Xia                                                         | 1          | 1                      |           |
|    |               | Xã Văn Xuôi (Cũ): 01 mộ, 01 khu vực: Thôn Long Tro.                                                     | 1          | 1                      |           |
| 50 | Xã Kon Braih  | Xã Đăk Ruông (Cũ): 15 mộ; 01 khu vực: Làng Kon Nhen.                                                    | 1          | 15                     | <b>15</b> |
| 51 | Xã Măng Bút   | Xã Măng Bút (Cũ): 04 mộ, 02 khu vực: Thôn Măng Bút (02 mộ), thôn Đăk Pông (02 mộ).                      | 2          | 4                      | <b>7</b>  |
|    |               | Xã Đăk Ring (Cũ): 03 mộ, 01 khu vực: Thôn Đăk Ang.ôn Vi Klâng.                                          | 1          | 3                      |           |
| 52 | Xã Kon Plông  | Xã Ngọc Tem (Cũ): 02 mộ, 01 khu vực: Thôn Điek Pét.                                                     | 1          | 2                      | <b>6</b>  |
|    |               | Xã Pờ Ê (Cũ): 01 mộ, 01 khu vực: Th                                                                     | 1          | 1                      |           |
|    |               | Xã Hiếu (Cũ): 03 mộ, 01 khu vực: Thôn Kon Plinh.                                                        | 1          | 3                      |           |
| 53 | Xã Măng Đen   | Xã Măng Cành(Cũ): 07 mộ, 01 khu vực: Thôn Măng Cành.                                                    | 1          | 7                      | <b>27</b> |
|    |               | Thị trấn Măng Đen (Cũ): 06 mộ, 01 khu vực: Thôn Kon Xuh.                                                | 1          | 6                      |           |
|    |               | Xã Đăk Tăng (Cũ): 14 mộ, 02 khu vực: Thôn Đăk Prô (03 mộ), Thôn Rô Xia (11 mộ).                         | 2          | 14                     |           |

| TT | Xã,<br>Phường | Khu vực địa bàn theo kết quả kết luận<br>địa bàn Đợt 1 | Số lượng   |                        |             |
|----|---------------|--------------------------------------------------------|------------|------------------------|-------------|
|    |               |                                                        | Khu<br>vực | Số<br>lượng<br>liệt sĩ | Tổng        |
|    | <b>TỔNG</b>   |                                                        |            |                        | <b>4395</b> |

## PHỤ LỤC SỐ 02

**Các khu vực trọng điểm tổ chức tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ**

(Kèm theo Kế hoạch số          /KH-BCĐ ngày    /7/2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh)

| STT | Khu vực                                                                                                                                        | Thông tin                                                                                                                                                                                      | Thời gian                  |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 1   | Khu vực toạ độ (78-90)09 và (7890)03 tờ bản đồ UTM 1/50.000 Kon Tum, đường Nơ Trang Long - trước UBND phường Trường Chinh (cũ). phường Kon Tum | Thông tin do các nhân chứng lịch sử cung cấp<br>Tại buổi làm việc với Thường trực Tỉnh ủy và Ban Chỉ đạo tỉnh                                                                                  | Từ ngày 25/7 đến 31/8/2026 |
| 2   | Khu vực Sân Vận động Kon Tum, phường Kon Tum (đoạn Tiểu đoàn 17, Sư đoàn 10 đến đường Trần Văn Hai) phường Kon Tum                             |                                                                                                                                                                                                | Từ ngày 25/7 đến 31/8/2026 |
| 3   | Khu vực phía Tây khuôn viên của Nghĩa trang Liệt sĩ Phường Đăk Câm, tỉnh Quảng Ngãi                                                            |                                                                                                                                                                                                | Từ ngày 25/7 đến 31/8/2026 |
| 4   | Khu vực khuôn viên FLC đoạn đường Nguyễn Viết Xuân đến Trần Văn Hai, phường Kon Tum                                                            |                                                                                                                                                                                                | Từ ngày 25/7 đến 31/8/2026 |
| 5   | Khu vực phía Tây của sân bay Kon Tum năm 1972, phường Kon Tum                                                                                  |                                                                                                                                                                                                | Từ ngày 25/7 đến 31/8/2026 |
| 6   | Khu vực thôn Đăk Xanh - thôn Đăk Ra - thôn 16/5, xã Đăk Pét                                                                                    | Thông tin do CCB Lương Minh Khôi, hiện cư trú tại số 7A Trần Quốc Toản, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (điện thoại: 0393.601.278 - 0868.195.678), là cựu chiến binh trực tiếp tham gia chiến | Từ ngày 28/7 đến 10/8/2026 |

|   |                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                            |
|---|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
|   |                                                           | đầu tại khu vực Đăk Pét, cung cấp. Thông tin được Ủy ban nhân dân xã Đăk Pét đã tổ chức xác minh                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                            |
| 7 | Khu vực Liên Gia 21, Tổ dân phố An Thạch, phường Trà Câu. | Thông tin do bà Huỳnh Thị Kim Huệ, hiện cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, cung cấp theo lời kể của mẹ là bà Nguyễn Thị Bích (sinh năm 1942), nguyên quán thôn An Thạch, xã Phổ An, huyện Đức Phổ (nay là phường Trà Câu), là người trực tiếp chứng kiến trận đánh, tham gia cứu chữa thương binh và chôn cất các liệt sĩ tại địa phương. Thông tin được Ủy ban nhân dân phường Trà Câu đã tổ chức xác minh | Từ ngày 28/7 đến 10/8/2026 |
| 8 | Khu vực Gò Tràm, thôn An Sơn, xã Nghĩa Giang              | Thông tin do Ông Lê Đình Chung, thôn An Sơn, xã Nghĩa Giang, tỉnh Quảng Ngãi. Hội viên Hội CCB xã Nghĩa Giang là nhân chứng cung cấp có 30 liệt sỹ hy sinh tại Gò Tràm, thôn An Sơn, xã Nghĩa Giang, tỉnh Quảng Ngãi.                                                                                                                                                                                      | Từ ngày 28/7 đến 10/8/2026 |